

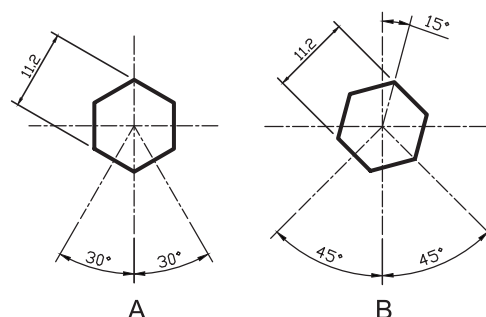


1148-1 Series

Dòng bánh đôi bi trung tâm tiết kiệm 48-1

48-1經濟中控雙球輪系列

- Chuyển động linh hoạt, khả năng chịu tải cao, thiết kế đơn giản và đẹp mắt, đồng thời mang lại tính kinh tế và tính thực tiễn.
Di chuyển êm ái và mượt mà, phù hợp với nhiều tình huống ứng dụng khác nhau. Sử dụng vòng bi bi chính xác cao, giúp nâng cao độ bền và độ trơn tru khi vận hành.
- 轉動靈活, 乘載力強, 外型設計簡約美觀, 兼具經濟性與實用性。
行走平穩順暢, 適用各種應用場景。採用高精度滾珠軸承, 有效提升耐用性與操作流暢度。



Kiểu khóa xe	Đường kính bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Đường kính trục tròn (mm)	Độ dài trục tròn (mm)	Lệch tâm (mm)	Tổng chiều cao (mm)	Tải trọng (kg)	Bán kính xoay (mm)	Độ cao lỗ lắp (mm)	Đường kính lỗ lắp (mm)	Góc xoay	Vật liệu bánh xe	Mã sản phẩm
制車型式	輪徑	輪寬	插桿直徑	插桿長度	偏心距	總高	載重	旋轉半徑	插桿六角孔中心高	插桿六角孔對邊	六角轉件角度	輪面材質	品號
Càng xoay với khóa kép 二段	125	18	28	95	38.5	150	150	107	78.5	11	A	Bánh Resolute 全效輪	11480501458033
	125	18	32	50	38.5	150	150	107	34	11	B		11480501458233
	125	18	32	50	38.5	150	150	107	34	11	A		11480501458133
	125	18	32	50	38.5	150	150	107	34	11	B		11480501458333
	150	18	28	95	40	167	150	120	78.5	11	A		11480601458033
	150	18	28	95	40	167	150	120	78.5	11	B		11480601458233
Càng xoay với khóa kép và khóa đa hướng 三段	125	18	28	95	38.5	150	150	107	78.5	11	A	Bánh Resolute 全效輪	11480501458023
	125	18	28	95	38.5	150	150	107	78.5	11	B		11480501458223
	125	18	32	50	38.5	150	150	107	34	11	A		11480501458123
	125	18	32	50	38.5	150	150	107	34	11	B		11480501458323
	150	18	28	95	40	167	150	120	78.5	11	A		11480601458023
	150	18	28	95	40	167	150	120	78.5	11	B		11480601458223
	150	18	32	50	40	167	150	120	34	11	A		11480601458123
	150	18	32	50	40	167	150	120	34	11	B		11480601458323